

# PHÂN LOẠI CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TỶ GIÁ THEO QUỸ TIỀN TỆ QUỐC TẾ

TS. ĐOÀN TRANH  
Đại học Duy Tân

Hệ thống tiền tệ toàn cầu không có cơ quan nào điều hành chung mà đó là sự kết hợp các cơ chế tỷ giá và chính sách tiền tệ mỗi quốc gia dưới sự “chỉ đạo định hướng” của Quỹ Tiền Tệ Quốc tế (IMF) từ Chiến tranh Thế giới lần II đến nay.

## a. Lịch sử phân loại cơ chế tiền tệ

Qua nhiều năm, IMF đóng vai trò phân loại dựa trên các báo cáo hàng năm của quốc gia thành viên về cơ chế tỷ giá. Tuy nhiên, mọi thứ đã thay đổi kể từ khi cuộc Khủng hoảng Tài chính Châu Á xảy ra vào năm 1997. Qua sự kiện đó chứng tỏ rằng việc báo cáo chính thức về cơ chế tỷ giá và vấn đề điều hành cơ chế tỷ giá thực tế rất khác nhau khi khủng hoảng xảy ra.

Vì vậy, kể từ năm 1998, IMF không phân loại cơ chế tỷ giá theo báo cáo của các nước thành viên, mà tập trung phân tích chính sách tiền tệ và cơ chế tỷ giá của mỗi quốc gia thành viên đã thực hiện để phân loại và được công bố hàng năm trong Báo cáo về cơ chế và điều hành tỷ giá hàng năm<sup>1</sup> do IMF phát hành. Điều này thể hiện tính khách quan của IMF là hoạt động theo nguyên tắc phi chính trị và kết quả phân tích chủ yếu dựa vào quan sát cách điều hành hơn là các công bố của chính phủ các nước về cơ chế tiền tệ.

Bảng 1: Phân loại của IMF cơ chế tỷ giá của các quốc gia năm 2014

STT	Cơ chế tỷ giá	Tổng số nước	Mô tả những cơ chế hoạt động tỷ giá
Neo cứng	Cơ chế tỷ giá không có đồng tiền pháp định riêng ( <i>No separate legal tender</i> )	13	Đồng tiền của các nước khác hoặc đồng tiền chung được sử dụng như đồng tiền pháp định duy nhất (tạo ra hiện tượng <b>đô la hóa chính thức</b> )
	Hội đồng tiền tệ ( <i>Currency board</i> )	12	Cơ chế tiền tệ dựa trên cơ sở pháp lý gắn đồng tiền trong nước với một ngoại tệ cụ thể theo tỷ giá cố định với những ràng buộc cho cơ quan phát hành. Ràng buộc này ám chỉ việc phát hành nội tệ chỉ đối với những ngoại hối được bảo đảm bằng tài sản nước ngoài.
Neo mềm	Tỷ giá neo cố định qui ước ( <i>Conventional fixed peg</i> )	44	Quốc gia sẽ neo đồng tiền cố định với một ngoại tệ hoặc rổ ngoại tệ của các đối tác tài chính hoặc kinh doanh chính. Các cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm duy trì tỷ giá cố định thông qua can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp. Tỷ giá được dao động $\pm 1\%$ , hoặc tối đa 2% trong 6 tháng.

<sup>1</sup> Annual Report on Exchange Arrangements and Exchange Restrictions

	Cơ chế ổn định (Stabilized Arrangement)	21	Tỷ giá giao ngay duy trì biên độ 2% cho 6 tháng hay lớn hơn, và không thả nổi. Biên ổn định cho cả một đồng tiền hay rổ tiền tệ. Tỷ giá phải được can thiệp để duy trì ổn định.
	Neo tỷ giá điều chỉnh dần (Crawling pegs)	2	Đồng tiền được điều chỉnh biên độ nhỏ hoặc điều chỉnh để phù hợp với thay đổi chỉ số kinh tế như thay đổi lạm phát.
	Cơ chế tương tự điều chỉnh (Crawling-like Arrangements)	15	Tỷ giá phải được duy trì nhỏ hơn biên độ 2% theo xu hướng trong 6 tháng hoặc dài hơn. Không được thả nổi. Tỷ lệ thay đổi tối thiểu có thể lớn hơn chỉ được phép theo cơ chế ổn định.
	Tỷ giá neo có biên độ (Pegged exchange rate within horizontal bands)	1	Giá trị đồng tiền duy trì trong phạm vi 1% theo tỷ giá trung tâm, hay biên lớn nhất và nhỏ nhất cho phép hơn 2%. Cơ chế này hiện được áp dụng tại các nước Eurozone khi so đồng Euro với các đồng tiền của quốc gia thành viên (hệ thống ERM II).
Cơ chế thả nổi	Thả nổi (floating)	36	Tỷ giá hầu như do thị trường quyết định mà không định hướng hay dự đoán được. Can thiệp thị trường trực tiếp hay gián tiếp chỉ mang tính điều hòa việc thay đổi nhưng không định hướng. Tỷ giá có thể biến động nhiều hay ít.
	Thả nổi hoàn toàn (Free floating)	29	Tỷ giá được thả nổi hoàn toàn, nếu có can thiệp chỉ khi cần thiết, việc can thiệp không quá 3 lần trong 6 tháng và mỗi lần can thiệp không quá 3 ngày làm việc.
Cơ chế khác	Cơ chế có quản lý khác (Other Managed Arrangements)	18	Các tình huống áp dụng cơ chế tỷ giá không theo các loại trên. Hiện có 19 quốc gia áp dụng cơ chế này như: Iran, Syria, Myanmar, Nga, Malaysia,...

### *b. Hệ thống phân loại theo thực tế của IMF*

Bảng 1 minh họa cơ chế tỷ giá của các quốc gia năm 2014 theo phân loại của IMF. Cách phân này dựa trên quan sát các điều hành tỷ giá của các quốc gia dựa trên thị trường hay can thiệp mà IMF sẽ phân loại một trong 4 nhóm cơ chế tỷ giá như được trình bày dưới đây. Cách phân loại này được áp dụng từ tháng 1 năm 2009 đến nay.

**Loại 1: Neo cứng (hard pegs):** Đây là các quốc gia không có chính sách tiền tệ riêng của quốc gia, mà sử dụng đồng tiền của các nước khác, và thông qua một **hội đồng tiền tệ** quốc gia để quyết định những vấn đề liên quan đến tích trữ ngoại tệ một cách hạn chế. Ví dụ, Zimbabwe sử dụng đồng Đô la Mỹ và tạo ra hiện tượng **đô la hóa** nền kinh tế.

**Loại 2: Neo mềm (soft pegs):** Loại này nói chung được xem là thông dụng cho **chính sách tỷ giá cố định**. Có 5 loại của cơ chế mềm khác nhau trên cơ sở mà đồng tiền của một quốc gia chọn đồng tiền mạnh để cố định. Cơ chế này cho phép thay đổi theo một điều kiện nào đó, số lần được can thiệp, biên độ so với tỷ giá cố định.

**Loại 3: Cơ chế thả nổi (floating arrangements):** Đồng tiền do thị trường quyết định được vận hành tới mức **thả nổi hoàn toàn**, giá trị của nó do áp lực thị trường mở quyết định mà không có tác động hay can thiệp của chính phủ. Việc **thả nổi** hay **thả nổi có can thiệp** tùy thuộc vào tình huống mỗi chính phủ theo đuổi mục tiêu để có một tỷ giá nào đó.

**Loại 4: Cơ chế tỷ giá khác:** Như được thừa nhận chung là những cơ chế tỷ giá nào không đáp ứng được 3 loại trên thì được xếp vào loại này. Các quốc gia thường chuyển đổi các cơ chế và chính sách khác nhau nên hình thành nên các hình thức phong phú hơn cho loại này.